



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN**

# **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

## **NGHỀ CÁ BIỂN**

Tập 1 - năm 2024



Website: <http://www.rimf.org.vn>

# KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NGHỀ CÁ BIỂN

## Tập 1 - năm 2024

### Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Nguyễn Khắc Bát

### Ban biên tập

TS. Nguyễn Văn Nguyên (Phụ trách)

TS. Nguyễn Viết Nghĩa

TS. Nguyễn Phi Toàn

TS. Đỗ Anh Duy

### Thư ký biên tập và trình bày

CN. Vũ Thị Thu Hằng

Địa chỉ: Viện nghiên cứu Hải sản

224 Lê Lai - Ngô Quyền - Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 3836656 - 3837898

Fax: (84-225) 3836812

Email: vhs@rimf.org.vn

Quý I năm 2024

## TRONG SỐ NÀY:

### THÔNG TIN - HOẠT ĐỘNG

- Đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thành phố Hải Phòng thăm và làm việc với Viện nghiên cứu Hải sản 1  
Vũ Thị Thu Hằng
- Lễ ra quân triển khai thực hiện công tác năm 2024 3  
Vũ Thị Thu Hằng
- Viện nghiên cứu Hải sản tham gia trưng bày gian hàng tại Hội nghị Phát triển bền vững nuôi biển, nhìn từ Quảng Ninh 4  
Vũ Thị Thu Hằng
- Hội nghị Viên chức và người lao động Viện nghiên cứu Hải sản năm 2024 5  
Vũ Thị Thu Hằng
- Lễ trao Bằng Tiến sĩ 8  
Vũ Thị Thu Hằng
- Lễ trao Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ giữ chức vụ Phó Viện trưởng 10  
Vũ Thị Thu Hằng
- Lễ ký thỏa thuận hợp tác giữa Viện nghiên cứu Hải sản và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 10  
Vũ Thị Thu Hằng
- Giao lưu công đoàn Viện nghiên cứu Hải sản và Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 13  
Vũ Thị Thu Hằng
- Ra mắt công trình thanh niên "Chuyển đổi số trong quảng bá hoạt động nghiên cứu khoa học" 16  
Phạm Sỹ Tấn
- Hội thảo quốc tế về "Phòng ngừa, tái chế rác thải ngư cụ tại vùng biển Việt Nam" 17  
Phan Đăng Liêm
- Hội thảo triển khai đề tài: "Xây dựng mô hình nâng cao hiệu quả bảo quản lạnh cho sản phẩm trên tàu cá cỡ nhỏ và tàu cá đánh bắt xa bờ mang lại hiệu quả kinh tế" 18  
Võ Thị Thanh Vân

### KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

- Hiệu quả kỹ thuật và phương thức liên kết của các cơ sở nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) ở tỉnh Bến Tre 19  
Nguyễn T.P. Thảo, Phạm Xuân Thái, Trịnh Thị Trà

## ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA BỘ NN&PTNT VÀ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

Sáng ngày 14/01/2024, Đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) do đồng chí Lê Minh Hoan, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT làm trưởng đoàn cùng Đoàn công tác thành phố Hải Phòng do đồng chí Lê Tiến Châu, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Hải Phòng làm trưởng đoàn đã đến thăm và làm việc với Viện nghiên cứu Hải sản. Đón tiếp và làm việc với Đoàn có sự tham dự của Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát, các đồng chí Phó Viện trưởng, Trưởng, phó các đơn vị thuộc Viện.



*Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị được Bộ giao và các đề xuất, kiến nghị của Viện nghiên cứu Hải sản*

Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát đã báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (KHCN), kết quả nổi bật những năm gần đây của Viện, đóng góp cho sự phát triển của ngành thủy sản và thành phố Hải Phòng; Định hướng chiến

lược phát triển, giải pháp thực hiện và một số đề xuất, kiến nghị với Bộ NN&PTNT và thành phố Hải Phòng.

Các nhiệm vụ KHCN của Viện rất đa dạng, bao quát các lĩnh vực khoa học công nghệ từ công nghệ khai thác, chế biến, sau thu hoạch, sinh học biển, nuôi trồng thủy sản đến điều tra đánh giá nguồn lợi, bảo tồn, môi trường, dự báo, xây dựng giải pháp, quy hoạch... Các kết quả nghiên cứu của Viện đã góp phần hiệu quả trong công tác quản lý ngành thủy sản và thực tiễn sản xuất.

Đồng chí Trần Đình Luân, Cục trưởng Cục Thủy sản đánh giá cao những kết quả của Viện trong các lĩnh vực về quản lý nghề cá, nguồn lợi, bảo tồn, dự báo, sau thu hoạch, khai thác thủy sản đã góp phần đáng kể vào sự phát triển của ngành Thủy sản. Bên cạnh đó, đồng chí Trần Đình Luân cũng đề nghị Viện chú trọng hơn nữa việc kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phục vụ sản xuất.

Đối với lĩnh vực bảo tồn, phát triển nguồn lợi thủy sản, đồng chí Đỗ Gia Khánh, Giám đốc Sở NN&PTNT Hải Phòng cho biết, trong những năm qua Viện nghiên cứu Hải sản đã phối hợp tốt với Sở để tiến hành điều tra nghiên cứu, đánh giá giá trị đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật biển, cung cấp cơ sở khoa học cho việc thành lập và đi



vào hoạt động khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ, và hiện đang tiếp tục thực hiện đối với khu bảo tồn biển Cát Bà-Long Châu. Các công nghệ, mô hình, kết quả nghiên cứu của Viện đã góp phần sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, phát triển nghề nuôi trồng thủy sản thành phố Hải Phòng.

Đồng chí Nguyễn Đức Thọ, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng đánh giá cao những đóng góp của Viện đối với lĩnh vực KH&CN của Thành phố. Từ khi thành lập năm 1961 đến nay, Viện luôn phối hợp tốt với địa phương, nghiên cứu xây dựng, tạo ra ra những quy trình công nghệ mới, được thành phố áp dụng vào thực tiễn sản xuất, phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Viện đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng và triển khai Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban thường vụ Thành ủy Hải Phòng đối với lĩnh vực thủy sản.

Phát biểu ý kiến chỉ đạo, Bí thư Thành ủy Lê Tiến Châu ghi nhận và chúc mừng những thành tựu KH&CN của Viện đã góp phần phát triển kinh tế xã hội của đất nước nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng. Đồng chí cũng chỉ ra những khó khăn trong việc chuyển giao tiến bộ KH&CN vào thực tiễn sản xuất và những nguyên nhân chủ quan, khách quan. Để giải quyết vấn đề này, Viện cần hoàn thiện hơn các sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Viện cần chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ chuyên môn có chất lượng cao, chuyên sâu và các cán bộ

có kỹ năng về phát triển thị trường. Bên cạnh đó, Viện cũng cần tăng cường liên kết nghiên cứu với các viện, trung tâm nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước, các doanh nghiệp và người dân.

Kết luận cuộc họp, Bộ trưởng Lê Minh Hoan đánh giá cao những kết quả đạt được của Viện, đồng thời ghi nhận những nỗ lực của tập thể cán bộ Viện trong những năm qua. Bộ trưởng chỉ đạo Viện cần tập trung vào một số vấn đề sau: (1) Đổi mới tư duy trong nghiên cứu khoa học, gắn liền với thực tiễn sản xuất “Khoa học phải chạm đến cuộc sống”; (2) Tăng cường phối hợp với doanh nghiệp, ngư dân để lắng nghe, tiếp thị, chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; (3) Xây dựng chiến lược phát triển KH&CN dài hạn và kế hoạch, lộ trình cụ thể để triển khai đạt hiệu quả cao; (4) Nâng cấp Bảo tàng Sinh vật biển của Viện trở thành điểm đến tham quan, học tập và nghiên cứu; (5) Tận dụng mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác nghiên cứu.



*Bộ trưởng Lê Minh Hoan, Bí thư Thành ủy Lê Tiến Châu và đoàn công tác chụp ảnh lưu niệm với cán bộ chủ chốt của Viện nghiên cứu Hải sản*

*Vũ Thị Thu Hằng*

## LỄ RA QUÂN TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2024

**N**gay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán, sáng ngày 16/02/2024 (tức Mùng 6 Tết), Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức Lễ ra quân triển khai nhiệm vụ công tác năm 2024.

Tất cả các cán bộ, nhân viên, người lao động Viện nghiên cứu Hải sản quây quần gặp mặt cùng những lời chúc sức khỏe, chúc thành công... trong buổi Khai xuân đầu năm để bắt đầu một năm mới làm việc tràn đầy nhiệt huyết (Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam khai xuân trực tuyến).



*Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát  
phát biểu khai xuân*



*Toàn cảnh buổi Lễ ra quân đầu năm*

Thay mặt Ban Lãnh đạo Viện, Bí thư Đảng ủy, Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát đã gửi lời chúc mừng sức khỏe, hạnh phúc, thành công tới toàn thể các cán bộ, viên chức và người lao động thuộc Viện nhân dịp đầu xuân mới. Để hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết của Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động của Viện đã đề ra cho năm 2024, Viện trưởng rất mong muốn mỗi cá nhân, mỗi thành viên của Viện cùng chung sức đồng lòng, đoàn kết với nhau, phát huy khí thế thi đua đầu năm mới để cùng thực hiện tốt và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.



*Toàn thể cán bộ, nhân viên Viện chụp ảnh  
lưu niệm đầu xuân*

Cũng trong buổi Khai xuân, Ban lãnh đạo Viện đã tặng lì xì đầu xuân may mắn và cầu chúc một năm mới: AN KHANG THỊNH VƯỢNG đến với toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong năm mới Xuân Giáp Thìn 2024.

*Vũ Thị Thu Hằng*

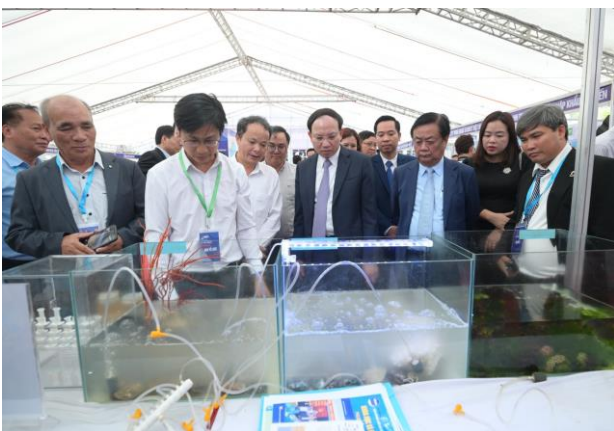


## VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN THAM GIA TRUNG BÀY GIAN HÀNG TẠI HỘI NGHỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NUÔI BIỂN, NHÌN TỪ QUẢNG NINH

Nhân kỷ niệm 65 năm Ngày truyền thống ngành Thủy sản Việt Nam (01/4/1959-01/4/2024), ngày 01/4, tại thành phố Hạ Long, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) phối hợp với tỉnh Quảng Ninh tổ chức Hội nghị Phát triển bền vững nuôi biển, nhìn từ Quảng Ninh với chủ đề “Nuôi biển, vì nguồn sống xanh cho thế hệ mai sau”.

Tham dự Hội nghị có Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan; Lãnh đạo các bộ, ngành liên quan; Hiệp hội Nuôi biển Việt Nam; các đại sứ quán, các doanh nghiệp trong và ngoài nước; các địa phương ven biển trong cả nước cùng lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh và lãnh đạo các sở, ngành, địa phương.

Tại tiền sảnh của Hội nghị, bố trí hệ thống gian hàng trưng bày, giới thiệu của một số đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT, doanh nghiệp thành viên Hiệp hội Nuôi biển Việt Nam và 9 địa phương ven biển.



*Bộ trưởng Lê Minh Hoan và Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh Nguyễn Xuân Ký tham quan gian trưng bày mẫu vật sống của Viện nghiên cứu Hải sản*

Tại Hội nghị, Viện nghiên cứu Hải sản đã tham gia trưng bày gian hàng giới thiệu những Tài liệu khoa học, sản phẩm thủy sản chế biến, quy trình công nghệ nuôi trồng thủy sản của Viện.



*Phó Viện trưởng Nguyễn Văn Nguyên giới thiệu các sản phẩm thủy sản của Viện nghiên cứu Hải sản*

Mang đến Hội nghị, gian hàng trưng bày của Viện nghiên cứu Hải sản gồm:

+ Các sản phẩm là ấn phẩm, tạp chí, sách chuyên khảo khoa học công nghệ như Tuyển tập các Công trình nghiên cứu Nghề cá biển; Tạp chí khoa học NN&PTNT chuyên đề Nghề cá biển; Ấn phẩm KH&CN Nghề cá biển; Các sách chuyên khảo; Bộ poster Atlas cá biển Việt Nam; Bộ poster giới thiệu các quy trình công nghệ nuôi trồng thủy sản, các sản phẩm giá trị gia tăng...

+ Các bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích như Quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh vật dùng để sinh hương nước mắm truyền thống, Quy trình tạo mô sẹo dạng sợi trong nuôi cấy mô rong sụn, Quy

trình sản xuất bột nêm dinh dưỡng từ cá nục và con moi...

+ Các sản phẩm giá trị gia tăng từ thủy sản như Cốm, viên nang và bột vi tảo; Bột nêm dinh dưỡng từ moi và cá nục; Viên nang dinh dưỡng Nutrient capsules; Viên nang LW- Protein và Protein Syrup từ dịch chiết cá nóc không độc; Nước sốt bào ngư; Dầu hào; Rượu hào; Nước uống rong biển; Dầu bào ngư; Đồ hộp thịt ngao sốt khoai tây... Các sản phẩm OCOP từ các đề tài nghiên cứu khoa học của Viện như Cá đù đỏ một nắng, Cá bông lau một nắng, Chả cá măng, Chả tôm...

Gian hàng của Viện đặc biệt thu hút sự quan tâm của đông đảo đại biểu và quan khách bởi các mẫu vật sống như Bào ngư, Hải sâm (sản phẩm kích dục tố), Rong câu chân vịt, Rong cải biển, Rong sụn nuôi cấy mô và trưng bày ở vị trí trung tâm của gian hàng là Cá ngừ đại dương 42 kg được bảo quản bằng công nghệ Nano UFB (Ultra Fine Bubble).



*Trưng bày Cá ngừ đại dương được bảo quản bằng công nghệ Nano UFB*

Thông qua gian hàng tại Hội nghị Phát triển bền vững nuôi biển, nhìn từ Quảng Ninh, Viện nghiên cứu Hải sản đã giới thiệu đến các nhà khoa học, nhà quản lý, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất các sản phẩm nghiên cứu có triển vọng, có tính khả thi trong ứng dụng vào sản xuất, góp phần phát triển bền vững ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị.

*Vũ Thị Thu Hằng*

## HỘI NGHỊ VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN NĂM 2024

**N**gày 26/01/2024, Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức Hội nghị viên chức và người lao động năm 2024. Tham dự Hội nghị có mặt đầy đủ các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng ủy, Lãnh đạo Viện, Ban Chấp hành Công đoàn, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên và các cán bộ công chức, viên chức và lao động thuộc Viện. Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam họp trực tuyến. Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát chủ trì Hội nghị.



*Toàn cảnh buổi Hội nghị*

Khai mạc Hội nghị, Phó Viện trưởng Nguyễn Viết Nghĩa trình bày Báo cáo tổng kết công tác năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024.



*Phó Viện trưởng Nguyễn Viết Nghĩa trình bày báo cáo tại Hội nghị*

Báo cáo đưa ra các kết quả nghiên cứu đã đạt được trong năm 2023, đánh giá tổng thể ưu nhược điểm và nguyên nhân, thông báo kế hoạch hoạt động năm 2024, các hướng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thủy sản, ứng dụng công nghệ tiên tiến phát triển kinh tế biển, gắn kết công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo.

Các nhiệm vụ KHCCN của Viện rất đa dạng, bao quát các lĩnh vực khoa học công nghệ từ công nghệ khai thác, chế biến, sau thu hoạch, sinh học biển, nuôi trồng thủy sản đến điều tra đánh giá nguồn lợi, bảo tồn, môi trường, dự báo, xây dựng giải pháp, quy hoạch... Các kết quả nghiên cứu của Viện đã góp phần hiệu quả trong công tác quản lý ngành thủy sản và thực tiễn sản xuất. Năm 2023, Viện nghiên cứu Hải sản đã thực hiện tổng số 58 nhiệm vụ KHCCN các cấp, gồm: 01 cấp nhà nước, 21 cấp Bộ, 19 cấp tỉnh/thành phố, 17 hợp đồng KHCCN doanh nghiệp, với tổng kinh phí thực hiện khoảng 52,3 tỉ đồng. Viện cũng đã chủ động từng bước nâng tỷ trọng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, từ các hợp

đồng dịch vụ, tư vấn cho các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp (chiếm tỷ lệ 12,4% tổng kinh phí cho các nhiệm vụ KHCCN). Năm 2023, các sản phẩm khoa học của Viện đạt được gồm: 38 bài báo trên các tạp chí trong nước, 14 bài báo quốc tế (06 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus); 05 sách chuyên khảo, tài liệu hướng dẫn; 07 sáng kiến cấp Bộ; 01 tiến bộ kỹ thuật; 04 Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích; 01 Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam và 04 giải thưởng KHCCN cấp Tỉnh/Thành phố.

Bên cạnh những kết quả đạt được Viện cũng chỉ ra những phương hướng, kế hoạch trong thời gian tới, như:

### **1. Về công tác tổ chức, cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ**

- Triển khai Chiến lược phát triển Viện nghiên cứu Hải sản đến 2030.

- Trình ban hành Quy chế đánh giá kết quả lao động. Tiếp tục rà soát sửa đổi các Quy chế nội bộ cho phù hợp với các văn bản pháp luật mới.

- Duy trì thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Ổn định tư tưởng VC&NLĐ trong thời kỳ chuyển đổi.

- Tăng cường chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường khai thác sử dụng năng lực thiết bị khoa học công nghệ.

- Thực hiện tốt công tác quản lý viên chức và hành chính quản trị.

### **2. Về quản trị tài chính, tài sản**

- Thực hiện xây dựng dự toán ngân sách năm 2024 và dự toán ngân sách 03 năm 2024-2025-2026.

- Thực hiện Quản lý tài chính theo Luật Ngân sách, đảm bảo chi ngân sách chủ động tích cực kể cả chi thường xuyên và đầu tư.



- Phối hợp với cơ quan Bộ, Tổng cục trong công tác thanh tra, kiểm toán nhà nước.

- Thực hiện cơ chế tự tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công ngay sau khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **3. Về thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ**

Năm 2024, Viện sẽ tiếp tục đấu thầu, đề xuất các nhiệm vụ KH&CN các cấp cho các năm tiếp theo, đặc biệt là việc tìm kiếm, đấu thầu các nhiệm vụ dài hạn. Hiện nay, một số nhiệm vụ hiện đã có quyết định phê duyệt danh mục, đã thẩm định thuyết minh đề cương và kinh phí thực hiện năm 2024.

#### ***Mở mới nhiệm vụ***

Tăng cường tìm kiếm các nhiệm vụ mới để đảm bảo tính liên tục của hoạt động nghiên cứu từ năm 2024. Chú trọng khai thác đa dạng hóa nguồn kinh phí từ tất cả các nguồn khả thi từ cấp Quốc gia, cấp Bộ thông qua các chương trình mở mới cho giai đoạn 2021-2025 như chương trình biển sâu, thả rạn nhân tạo, phục hồi hệ sinh thái, chương trình KC/21-30, CNSH Bộ Công thương, CNSH nông nghiệp - thủy sản, công nghệ cao, khuyến ngư, nông thôn miền núi...

Thúc đẩy mạnh mẽ việc gắn kết với các địa phương, bám sát nhu cầu các địa phương theo định hướng hỗ trợ cho các địa phương đáp ứng yêu cầu mới trong Luật Thủy sản 2017.

#### ***Tăng cường công tác quản lý khoa học***

- Tiếp tục quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp hoàn thành nội

dung nghiên cứu, sản phẩm giao nộp theo đúng tiến độ đăng ký.

- Hướng dẫn các đơn vị, cá nhân xây dựng hồ sơ thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp sau khi có quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ; đăng ký kết quả sau khi nghiệm thu cấp quản lý, kết thúc nhiệm vụ.

- Đôn đốc các đơn vị triển khai và hoàn thành các chỉ tiêu nghị quyết đã đăng ký.

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao KH&CN vào sản xuất, xây dựng kế hoạch hợp tác với các địa phương.

- Tổ chức tốt các đợt kiểm tra định kỳ, kiểm tra thực địa, cơ sở sản xuất đối với các đề tài/dự án.

#### ***Hợp tác quốc tế***

- Làm tốt công tác tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến làm việc với Viện. Thực hiện quản lý đoàn vào, đoàn ra theo đúng quy định hiện hành.

- Tích cực tìm kiếm, vận động các nguồn viện trợ từ các nguồn WB, WWF, ODA, NGOs và các nguồn khác. Tích cực tham gia hợp tác, tìm kiếm, đề xuất các nhiệm vụ HTQT.

#### ***Thông tin, xuất bản***

- Tiếp tục duy trì, cập nhật và quản lý tin/bài trên website; phối hợp tốt với các đơn vị đưa tin/bài hoạt động KH&CN lên cổng thông tin mạng lưới KH&CN Hải Phòng.

- Thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng công tác phát hành ấn phẩm KH&CN Nghề cá biên định kỳ hàng quý.

- Tiếp tục đăng tải các bài báo khoa học trên các tạp chí, hội thảo, hội nghị khoa học

trong nước và quốc tế. Xuất bản 2 atlas/sách chuyên khảo.

Để thực hiện được các yêu cầu, chỉ tiêu nêu trên, rất cần sự nỗ lực, cố gắng của toàn Viện. Cần xây dựng kế hoạch tổng thể hoạt động của Viện, trong đó lấy công tác hoạt động KHCN làm nòng cốt để xây dựng các chỉ tiêu cụ thể.

Tại Hội nghị, ông Nguyễn Văn Hường, Trưởng Ban Thanh Tra nhân dân trình bày báo cáo công tác thanh tra nhân dân năm 2023 và chương trình công tác năm 2024.

Hội nghị cũng được nghe bà Phạm Thị Duyên Hương, Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính báo cáo công tác thi đua năm 2023 và công bố các quyết định khen thưởng cho các tập thể và cá nhân xuất sắc.



*Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát trao  
Bằng khen cho tập thể, cá nhân xuất sắc*

Tiếp theo chương trình, ông Nguyễn Phi Toàn, Phó Viện trưởng, Chủ tịch Công đoàn Viện báo cáo kiểm điểm Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức năm 2023.

Hội nghị đã thảo luận góp ý báo cáo kiểm điểm thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức và lao động năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 2024. Toàn thể Viện quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao năm 2024; tăng cường tạo việc làm, nâng cao đời sống, phát triển Viện về mọi mặt trên cơ sở tuân thủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước, nội quy, quy chế cơ quan.

Tập thể công chức, viên chức và lao động Viện nghiên cứu Hải sản hiểu và ghi nhớ nội dung của Nghị quyết, nhất trí thông qua và cam kết hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết. Nghị quyết sẽ được xây dựng thành kế hoạch, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân. Nghị quyết được kiểm điểm tiến độ thực hiện sau mỗi quý và kết quả thực hiện nghị quyết sẽ là căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của các cá nhân và đơn vị liên quan.

Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Viện nghiên cứu Hải sản năm 2024 đã diễn ra thành công tốt đẹp hứa hẹn sẽ có một năm gặt hái được nhiều thành công.

*Vũ Thị Thu Hằng*

## LỄ TRAO BẰNG TIẾN SĨ

**N**gày 26/01/2024, Viện nghiên cứu Hải sản long trọng tổ chức Lễ trao Bằng Tiến sĩ cho các nghiên cứu sinh đã được công nhận học vị Tiến sĩ năm 2023.

Đến dự buổi lễ, có Ban Lãnh đạo Viện nghiên cứu Hải sản, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các giáo viên hướng dẫn nghiên cứu sinh, đơn vị quản lý nghiên cứu sinh, cùng toàn thể cán bộ viên chức của Viện.



*Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát trao Bằng Tiến sĩ cho 03 Tân Tiến sĩ: Đặng Minh Dũng, Nguyễn Văn Hiếu, Mai Công Nhuận*



*Ông Nguyễn Văn Nguyên, Phó Viện trưởng phát biểu tại buổi Lễ*

Thay mặt Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện nghiên cứu Hải sản, TS. Nguyễn Văn Nguyên nồng nhiệt chúc mừng tất cả các Tân Tiến sĩ đã hoàn thành chặng đường nhiều gian nan, thử thách để có được thành công ngày hôm nay. Đặc biệt trong mấy năm qua, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục, nhưng với sự đồng hành của Viện, của các thầy cô hướng dẫn, sự động viên của gia đình, người thân, đặc biệt là sự nỗ lực vượt bậc của bản thân, các tiến sĩ đã hoàn thành chặng đường học tập, nghiên cứu của mình. Sự thành công của các tân Tiến sĩ ngày hôm nay chính là niềm tự hào của Viện, góp phần làm nên thương hiệu của Viện nghiên cứu Hải sản trong sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng

cao và đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội. Ông cũng nhấn mạnh năm 2022 - 2023 là một năm thành công của Hội đồng Đào tạo sau đại học của Viện nói riêng và đào tạo nguồn nhân lực của Viện nói chung, đây là nguồn lực quý để phát triển Viện. TS. Nguyễn Văn Nguyên bày tỏ tin tưởng và hi vọng đây là cột mốc phát triển mới quá trình nghiên cứu của các Tân Tiến sĩ.



*Tân Tiến sĩ Đặng Minh Dũng phát biểu cảm ơn tại buổi Lễ*

Tại buổi lễ, đại diện cho Tiến sĩ tham dự buổi lễ trao bằng, TS. Đặng Minh Dũng đã bày tỏ lòng biết ơn khi được học tập, nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của đội ngũ các nhà khoa học có chuyên môn cao, có uy tín học thuật, nhiều kinh nghiệm và tâm huyết với nghề, cũng như nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và đồng hành của người thân, gia đình và bạn bè. Tiến sĩ gửi lời cảm ơn chân thành đến các thầy cô và cơ sở đào tạo, đồng thời hứa sẽ phát huy tốt nhất những kiến thức, những phương pháp, cách tiếp cận nghiên cứu và giải quyết vấn đề đã lĩnh hội và tích lũy được trong quá trình học tập, nghiên cứu tại Viện vào công việc, phục vụ đắc lực cho phát triển đất nước và xã hội.

*Vũ Thị Thu Hằng*



## LỄ TRAO QUYẾT ĐỊNH BỎ NHIỆM LẠI CÁN BỘ GIỮ CHỨC VỤ PHÓ VIỆN TRƯỞNG

**N**gày 12/3/2014 tại Viện nghiên cứu Hải sản, được sự ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện nghiên cứu Hải sản đã tổ chức Lễ trao quyết định của Bộ trưởng bỏ nhiệm lại cán bộ giữ chức vụ Phó Viện trưởng cho ông Nguyễn Việt Nghĩa và ông Nguyễn Phi Toàn.



*Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát trao quyết định và tặng hoa chúc mừng*

Tại buổi lễ, thừa ủy quyền của Bộ trưởng, ông Nguyễn Khắc Bát, Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản đã tặng hoa chúc mừng và trao Quyết định số 638/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bỏ nhiệm lại ông Nguyễn Việt Nghĩa và Quyết định số 639/QĐ-BNN-TCCB bỏ nhiệm lại ông Nguyễn Phi Toàn tiếp tục giữ chức Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản nhiệm kỳ 5 năm, kể từ ngày 01/3/2024.

Ông Nguyễn Việt Nghĩa đại diện phát biểu trân trọng cảm ơn Đảng ủy, Lãnh đạo Viện và các đồng nghiệp đã tin nhiệm, giao nhiệm vụ, đồng thời hứa tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo, đoàn kết, bám sát mục tiêu nhiệm vụ được cấp trên giao để phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*Vũ Thị Thu Hằng*

## LỄ KÝ THỎA THUẬN HỢP TÁC GIỮA VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

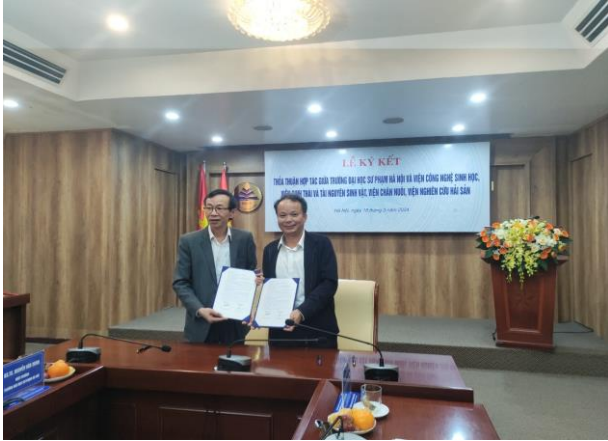
**C**hiều ngày 18/3/2024, tại Hà Nội, Lễ ký Thỏa thuận hợp tác giữa Viện nghiên cứu Hải sản và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã được long trọng tổ chức.

Tham dự buổi ký kết, về phía Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có GS.TS. Nguyễn Văn Minh, Hiệu trưởng; PGS.TS. Nguyễn Văn Hiền, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường; PGS.TS. Nguyễn

Đức Sơn, Phó Hiệu trưởng cùng Trường, phó các phòng ban của nhà trường. Về phía Viện nghiên cứu Hải sản có TS. Nguyễn Khắc Bát, Viện trưởng; TS. Nguyễn Văn Nguyên, Phó Viện trưởng và TS. Đỗ Anh Duy, Phó Trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Đào tạo.

Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn và năng lực thực tế của 02 bên, hai đơn vị cùng nhau hợp tác nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế

của mỗi bên để phát triển các hoạt động thực tập và đào tạo cho sinh viên Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đào tạo/bồi dưỡng đội ngũ cán bộ/giáo viên/giảng viên cũng như tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.



*Lễ ký Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Viện nghiên cứu Hải sản*

Các hoạt động hợp tác này sẽ giúp tạo thêm cơ hội cho sinh viên Khoa Sinh học được thực tập, nghiên cứu khoa học tại đơn vị nghiên cứu chuyên ngành, tăng cường năng lực chuyên môn và phát triển các kỹ năng, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm của

sinh viên sau khi tốt nghiệp, góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực thủy sản/nông nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác cũng góp phần thúc đẩy tình đoàn kết, phát huy thế mạnh của mỗi bên và nâng cao vị thế của hai đơn vị trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học.



*Lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trao quà lưu niệm cho các bên đối tác*

Tại Lễ ký kết hợp tác, Lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã trao quà lưu niệm cho Lãnh đạo Viện nghiên cứu Hải sản cùng các bên đối tác.

*Vũ Thị Thu Hằng*

## **GIAO LƯU CÔNG ĐOÀN VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN VÀ VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I NHÂN NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8/3**

Nhân dịp kỷ niệm 114 năm ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3/1910 - 8/3/2024), hòa chung với các sự kiện tôn vinh Người Phụ Nữ đang diễn ra trên khắp mọi miền đất nước và thế giới, được sự đồng ý của Đảng ủy, Lãnh đạo Viện, sáng ngày 08/3/2024, Viện nghiên cứu Hải sản đã tổ chức “Chương trình giao

lưu công đoàn nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3” giữa Công đoàn Viện nghiên cứu Hải sản và Công đoàn Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 để cùng tôn vinh Người Phụ Nữ Việt Nam, những đồng nghiệp nữ, những người phụ nữ của thế kỷ 21 với tám chữ vàng: “Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang”.



*Toàn cảnh buổi giao lưu*

Tới dự buổi lễ, về phía Lãnh đạo Viện nghiên cứu Hải sản có ông Nguyễn Việt Nghĩa - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Viện trưởng, Trưởng ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ; ông Bùi Trọng Tâm - Phó Chủ tịch Công đoàn. Về phía Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 có bà Đặng Thị Lụa - Bí thư Đảng ủy, Viện trưởng; bà Nguyễn Thị Diệu Phương - Phó Chủ tịch Công đoàn. Ngoài ra, còn có sự hiện diện của các ông, bà Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc hai Viện và toàn thể các chị, các em nữ công đoàn viên của hai Viện. Đặc biệt là có sự tham gia trực tuyến của các chị em và các đồng chí Lãnh đạo Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam từ thành phố Vũng Tàu.



*Ông Nguyễn Việt Nghĩa phát biểu chúc mừng chị em hai đơn vị nhân ngày 8/3*

Thay mặt Đảng ủy, Lãnh đạo Viện nghiên cứu Hải sản, ông Nguyễn Việt Nghĩa chúc mừng các chị, em cán bộ, viên chức và người lao động của hai đơn vị nhân ngày Quốc tế Phụ nữ mừng 8/3.



*Bà Đặng Thị Lụa phát biểu cảm ơn công đoàn hai Viện nhân ngày 8/3*

Đáp lại tình cảm và những lời chúc chân thành của ông Nguyễn Việt Nghĩa, bà Đặng Thị Lụa thay mặt chị em của hai Viện bày tỏ sự biết ơn tới Ban Lãnh đạo Viện nghiên cứu Hải sản, Công đoàn cũng như công đoàn của hai Viện đã rất chu đáo tổ chức buổi giao lưu dành cho chị em. Đồng thời bà cũng gửi gắm những lời chúc tốt đẹp đến chị em hai Viện, chúc chị em luôn trẻ trung xinh đẹp, yêu đời và đặc biệt là luôn yêu mình.

Chia sẻ về hình tượng người phụ nữ Việt Nam, ông Nguyễn Việt Nghĩa cho rằng phụ nữ là một nửa tốt đẹp hơn của thế giới. Phụ nữ ngày nay không còn là phái yếu, mà cũng là phái mạnh. Bởi lẽ, hiện nay phụ nữ đã và đang làm được các việc mà nam giới làm, thậm chí có những việc phụ nữ còn giỏi hơn cả nam giới, trong đó có việc góp phần thay đổi thế giới. Qua đó, ông cũng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến toàn thể chị em về những đóng góp hết sức ý nghĩa. Mong



rằng chị em sẽ tiếp tục phát huy hơn nữa truyền thống quý báu đó để luôn là những bông hoa thơm, tươi đẹp tỏa hương tô điểm cho đời.



*Lãnh đạo tặng hoa chúc mừng chị em*

Tại buổi lễ, các Trưởng ban nữ công thay mặt các chị em, cán bộ, viên chức và người lao động của hai đơn vị nhận lãnh hoa tươi thắm chúc mừng ngày 8/3 từ Lãnh đạo hai đơn vị.

Hai đơn vị đã mang đến những tiết mục văn nghệ đặc sắc mang đậm tình yêu quê hương đất nước, những lời ca tiếng hát trẻ trung, yêu đời, tôn vinh những phẩm chất quý báu của Người Phụ nữ Việt. Trong chương trình giao lưu, mọi người cũng được nghe những gương mặt phụ nữ hai giới “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” của hai đơn vị chia sẻ về kết quả công tác, ước mơ trong cuộc sống và trong công việc, chia sẻ những kinh nghiệm trong hoạt động công đoàn trong thời kỳ tự chủ. Ngày nay, phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động chung của cộng đồng, họ có cơ hội được tiếp cận với thông tin và kiến thức, nâng cao sự hiểu biết về pháp luật, chính sách.

Người phụ nữ Việt Nam hiện đại có kỹ năng nghề nghiệp, là kết quả của rèn luyện nghề nghiệp không ngừng và tích lũy kinh nghiệm trong cuộc sống. Họ có kỹ năng lao động giỏi, có khả năng thích ứng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, thích ứng với mọi yêu cầu của xã hội. Họ không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tiếp thu những thành tựu khoa học mới.

Kết thúc chương trình giao lưu là chương trình “Games show” sôi nổi mang tên là Trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” đã thu hút sự tham gia đông đảo của anh chị em, và mang lại những giây phút vui vẻ, ấm cúng cho tất cả mọi người.



*Lãnh đạo và chị em chụp ảnh lưu niệm*

Cuộc gặp mặt giao lưu nhân ngày quốc tế phụ nữ mừng 8/3 không chỉ tôn vinh, lưu giữ lại những giá trị truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam mà còn là dịp để các Công đoàn cơ sở tăng cường sự gắn kết, đoàn kết giữa các đơn vị, giúp cho người lao động hăng say trong công việc, phát huy tốt nhất những phẩm chất, giá trị của người phụ nữ trong nghiên cứu và sản xuất.

Một số hình ảnh tại buổi giao lưu:



Vũ Thị Thu Hằng



## RA MẮT CÔNG TRÌNH THANH NIÊN “CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢNG BÁ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC”

Thực hiện Kế hoạch Công tác Đoàn và phong trào Thanh niên năm 2024, thiết thực chào mừng Đại hội đại biểu Hội LHTN Việt Nam các cấp, nhiệm kỳ 2024-2029. Được sự nhất trí của Thường trực Quận đoàn, Đảng ủy, Lãnh đạo Viện, sáng ngày 25/01/2024, Đoàn thanh niên Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức ra mắt công trình thanh niên “Chuyển đổi số trong quảng bá hoạt động nghiên cứu khoa học” tại Bảo tàng sinh vật biển và Phòng trưng bày ngư cụ Viện nghiên cứu Hải sản.

Tới dự chương trình có các đồng chí: Nguyễn Văn Hiếu - Phó Bí thư Thành đoàn Hải Phòng; TS. Nguyễn Việt Nghĩa - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản; Đại tá Lê Anh Tài - Phó Chủ nhiệm Chính trị Vùng 1 Hải quân, cùng các đồng chí lãnh đạo Ban Tuyên giáo, Ban Phong trào - Thành đoàn Hải Phòng; các đồng chí lãnh đạo Quận đoàn Ngô Quyền; đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Viện; các đồng chí đoàn viên thanh niên Viện nghiên cứu Hải sản.



TS. Nguyễn Việt Nghĩa, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Viện trưởng phát biểu tại chương trình

Hoạt động nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích tình nguyện, trí tuệ và sáng tạo của tuổi trẻ trong tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, lịch sử hình thành và các hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện nghiên cứu Hải sản, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học.



Ra mắt công trình thanh niên tại nhà Bảo tàng sinh vật biển và Phòng trưng bày ngư cụ

Trong khuôn khổ chương trình, Đoàn thanh niên Viện nghiên cứu Hải sản phối hợp với Đoàn thanh niên Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức chương trình hưởng ứng cuộc vận động “Tự hào một dải non sông Việt Nam” và tuyên truyền về chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Cuộc vận động “Tự hào một dải non sông Việt Nam” được triển khai với mục đích nhằm tăng cường giáo dục lòng yêu nước, ý thức về chủ quyền quốc gia, dân tộc, tuyên truyền, tổ chức để đoàn viên, thanh thiếu nhi treo bản đồ Việt Nam tại nơi học tập, lao động, làm việc hiện đang được triển khai rộng khắp trên toàn quốc, ở tất cả các cấp bộ Đoàn, Hội, Đội trong và ngoài nước.





*Đ/c Nguyễn Văn Hiếu - Phó Bí thư Thành đoàn Hải Phòng phát biểu tại chương trình*

Tại chương trình, Thành đoàn Hải Phòng đã trao tặng bản đồ Việt Nam cho BCH Đoàn thanh niên Viện nghiên cứu Hải sản và các chi đoàn trực thuộc.



*Đ/c Nguyễn Văn Hiếu trao tặng bản đồ Việt Nam cho BCH Đoàn Thanh niên Viện*



*Trao tặng bản đồ Việt Nam cho các chi đoàn trực thuộc*

Đoàn viên thanh niên đã được nghe báo cáo viên của Vùng 1 Hải quân tuyên truyền về chủ quyền biển đảo Việt Nam, đây là hoạt động thiết thực, có sức lan tỏa lớn hưởng ứng cuộc vận động “Tự hào một dải non sông Việt Nam”, nhằm góp phần nâng cao nhận thức cho các đoàn viên, cán bộ của Viện nghiên cứu Hải sản hiểu rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chủ động phòng, chống các âm mưu, thủ đoạn đe dọa đến an ninh, quốc phòng, chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc Việt Nam.



*Đại tá Lê Anh Tài - Phó Chủ nhiệm Chính trị Vùng 1 Hải quân tuyên truyền về chủ quyền biển đảo Việt Nam*

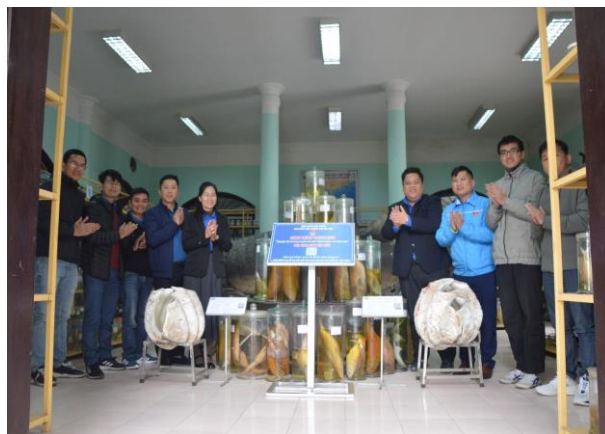
**Một số hình ảnh tại chương trình:**



*Đoàn viên thanh niên quét mã QR code truy cập tìm hiểu các thông tin*



*Chuyển đổi số trong quảng bá hoạt động nghiên cứu khoa học tại phòng trưng bày ngư cụ Viện nghiên cứu Hải sản*



*Chuyển đổi số trong quảng bá hoạt động nghiên cứu khoa học tại nhà Bảo tàng sinh vật biển Viện nghiên cứu Hải sản*

*Phạm Sỹ Tấn*

## HỘI THẢO QUỐC TẾ VỀ “PHÒNG NGỪ, TÁI CHẾ RÁC THẢI NGƯ CỤ TẠI VÙNG BIỂN VIỆT NAM - REVFİN”

Từ ngày 15-17/01/2024 tại Trường Đại học Hạ Long (Quảng Ninh) các đơn vị thành viên thực hiện dự án REVFİN đã tổ chức Hội thảo quốc tế về “Phòng ngừa, tái chế rác thải ngư cụ tại vùng biển Việt Nam - REVFİN”. REVFİN là dự án do Bộ Môi trường, bảo tồn tài nguyên, an ninh nguyên tử và Bảo vệ người tiêu dùng của Cộng hòa Liên bang Đức tài trợ, Trường Đại học Osfalia (Đức) phối hợp với các đối tác Việt Nam là Trường Đại học Nha Trang, Đại học Hạ Long, Đại học Kiên Giang, Viện nghiên cứu Hải sản và hơn 20 đối tác khác tại Việt Nam.

Hội thảo lần này tập trung phân tích đánh giá hiện trạng rác thải ngư cụ trên vùng biển Việt Nam thông qua kết quả điều tra, khảo sát của các thành viên dự án thực hiện trong năm 2023. Thay mặt cho Viện nghiên cứu Hải sản, TS. Nguyễn Văn Nguyên - Phó Viện trưởng, chủ nhiệm hợp

phần của dự án trình bày kết quả ban đầu khảo sát tại các doanh nghiệp khai thác thủy sản.

Từ kết quả điều tra, khảo sát của các thành viên dự án các đại biểu tham gia Hội thảo đã có nhiều ý kiến góp ý, thảo luận nhằm đưa ra các giải pháp và kế hoạch triển khai trong thời gian tới và đạt được mục tiêu đề ra, góp phần tích cực trong việc bảo vệ môi trường biển của Việt Nam.



*Phan Đăng Liêm*



## HỘI THẢO TRIỂN KHAI ĐỀ TÀI

### “Xây dựng mô hình nâng cao hiệu quả bảo quản lạnh cho sản phẩm trên tàu cá cỡ nhỏ và tàu cá đánh bắt xa bờ mang lại hiệu quả kinh tế”

Thực hiện Hợp đồng số ĐT-02-07-2023 ký ngày 25/12/2023 giữa Sở Khoa học và Công nghệ Bình Thuận và Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam về việc thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ: “*Xây dựng mô hình nâng cao hiệu quả bảo quản lạnh cho sản phẩm trên tàu cá cỡ nhỏ và tàu cá đánh bắt xa bờ mang lại hiệu quả kinh tế*”, với mục tiêu là nâng cao hiệu quả bảo quản lạnh cho sản phẩm trên tàu cá cỡ nhỏ và tàu cá đánh bắt xa bờ mang lại hiệu quả kinh tế.

Chiều ngày 03/01/2024, Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam - Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức Hội thảo khoa học triển khai đề tài. Chủ trì Hội thảo là TS. Nguyễn Viết Nghĩa, Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản.



*ThS. Phạm Văn Long, chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo tại Hội thảo*

Ở Việt Nam, đa phần các tàu đánh bắt xa bờ, gần bờ đều sử dụng phương pháp bảo quản sản phẩm truyền thống bằng đá xay, dẫn đến chất lượng sản phẩm thấp, tổn thất sau thu hoạch rất cao. Thực trạng hiện nay, việc khai thác quá mức đã dẫn đến tình trạng cạn kiệt nguồn lợi, sản lượng đánh bắt thấp dần, các đội tàu hoạt động thua lỗ, phải

nằm bờ thường xuyên, lực lượng lao động đi biển cũng bị giảm sút nghiêm trọng. Hiệu quả của nghề khai thác hải sản thấp, ảnh hưởng đến sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của các đội tàu cá thì không thể tăng sản lượng đánh bắt, thay vào đó có thể ứng dụng những công nghệ bảo quản tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản, đó là giải pháp tăng hiệu quả kinh tế đội tàu. Đối với nghề cá tỉnh Bình Thuận, để ứng dụng thành công công nghệ bảo quản sản phẩm trên tàu đánh bắt thì cần nghiên cứu lựa chọn công nghệ bảo quản phù hợp với đặc điểm nghề cá của tỉnh, đồng thời cần xác định được các yếu tố mật độ bảo quản, nhiệt độ, độ mặn, thời gian bảo quản... phù hợp với nghề và đối tượng bảo quản.

Vì vậy tại Hội thảo, ThS. Phạm Văn Long đã trình bày 4 nội dung nghiên cứu của đề tài: 1) Đánh giá hiện trạng bảo quản thủy sản trên tàu cá tỉnh Bình Thuận; 2) Thiết kế, thi công hệ thống thiết bị bảo quản thủy sản trên tàu cá; 3) Nghiên cứu kỹ thuật bảo quản sản phẩm trên tàu cá; 4) Xây dựng mô hình bảo quản lạnh sản phẩm trên tàu cá. Từ đó đưa ra các phương pháp nghiên cứu và tiến độ triển khai thực hiện phù hợp với từng nội dung. Đề tài đã nhận được nhiều ý kiến thảo luận, đóng góp thiết thực của các chuyên gia, nhà khoa học để xây dựng kế hoạch, phương án triển khai đề tài.

Kết thúc Hội thảo, Phó Viện trưởng Nguyễn Viết Nghĩa đề nghị Ban chủ nhiệm đề tài tiếp thu ý kiến của các chuyên gia, các đơn vị quản lý tại địa phương để triển khai nhiệm vụ đạt được kết quả tốt nhất.

*Võ Thị Thanh Vân*

# HIỆU QUẢ KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT CỦA CÁC CƠ SỞ NUÔI TÔM SÚ (*Penaeus monodon*) Ở TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Thị Phương Thảo<sup>1</sup>, Phạm Xuân Thái<sup>1</sup>, Trịnh Thị Trà<sup>1</sup>

## TÓM TẮT:

Nuôi tôm sú là một trong những ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Bến Tre. Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá hiệu quả kỹ thuật cũng như các hoạt động liên kết trong sản xuất của các hình thức tổ chức nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) nhằm góp phần làm cơ sở đề xuất một số giải pháp chủ yếu cho nghề nuôi tôm bền vững. Khảo sát được thực hiện từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 2 năm 2023 trên bốn hình thức tổ chức sản xuất là nông hộ nhỏ, trang trại, hợp tác xã và công ty. Số liệu thứ cấp được thu từ các cơ quan ban ngành. Số liệu sơ cấp được thu thập qua phỏng vấn trực tiếp 70 nông hộ, 20 trang trại, 18 hợp tác xã và 12 công ty nuôi tôm sú. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng suất tôm và lợi nhuận trung bình của bốn hình thức sản xuất lần lượt là 5.216 kg/ha (nông hộ), 7.013 kg/ha (trang trại), 6.550 kg/ha (hợp tác xã) và 8.555 kg/ha (công ty). Các mối liên kết trong nuôi tôm sú cũng được thảo luận chi tiết trong báo cáo này.

**Từ khóa:** *Penaeus monodon*, hình thức nuôi tôm, liên kết sản xuất, tôm sú.

## TECHNICAL EFFICIENCIES AND LINKAGES OF TIGER SHRIMP (*Penaeus monodon*) FARMING MODELS IN BEN TRE PROVINCE

### ABSTRACT:

Tiger shrimp farming is one of the important economic sectors of Ben Tre provinces. This study aims to assess the technical as well as linkages or collaboration of different intensive shrimp (*Penaeus monodon*) farming in order to contribute to solutions for sustainable shrimp culture in Ben Tre Province. The study was carried out from December 2022 to February 2023 with four typical models, consisting of (i) Household shrimp farms, (ii) Farm entrepreneurs, (iii) Cooperative and (iv) Companies. The secondary information was collected from state organizations. Primary data was collected through interviewing 120 shrimp farming units, including household shrimp farmers (70), farming entrepreneurs (20), cooperative/group production/clubs (18), and shrimp farming companies (12). The results showed that the average yield and profit of each farming model was 5.216 kg/ha/crop; 7.013 kg/ha/crop; 6.550 kg/ha/crop; and 8.555 kg/ha/crop respectively. The linkages and collaboration in farming shrimp are also discussed in details.

**Key words:** *Penaeus monodon*, production linkages, shrimp farming, tiger shrimp.

<sup>1</sup> Phân Viện nghiên cứu Hải sản phía Nam

\* Email: npthao@rimf.org.vn



## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bến Tre là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên là 2.360 km<sup>2</sup>, được hợp thành bởi Cù Lao An Hóa, Cù Lao Bảo, Cù Lao Minh và do phù sa của bốn nhánh sông Cửu Long bồi tụ thành (sông Tiền, sông Ba Lai, sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên). Là tỉnh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, với hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình hàng năm từ 2.000 đến 2.300 mm, nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26<sup>0</sup>C - 27<sup>0</sup>C. Với vị trí nằm tiếp giáp Biển Đông nhưng Bến Tre ít chịu ảnh hưởng của bão lũ, khí hậu ôn hòa, mát mẻ quanh năm, là tỉnh có nguồn tài nguyên đất phong phú, với nhiều loại đất như: đất cát, đất phù sa, đất phèn, đất mặn. Nuôi tôm sú ở đồng bằng sông Cửu Long nói chung, ở Bến Tre nói riêng trong những năm gần đây đã có bước phát triển mạnh cả về diện tích lẫn sản lượng, đặc biệt là mô hình quảng canh, bán thâm canh và thâm canh. Các hình thức nuôi tôm cũng ngày càng phát triển đa dạng, bao gồm nuôi tôm theo qui mô nông hộ, theo trang trại, hợp tác xã, hay công ty. Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển đó, nghề nuôi tôm vẫn còn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro như ô nhiễm môi trường, dịch bệnh và giá cả thị trường không ổn định. Bến Tre có 3 huyện giáp biển: Ba Tri, Bình Đại và Thạnh Phú, diện tích và sản lượng nuôi tôm sú tại ba huyện của tỉnh Bến Tre lớn. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm góp phần tìm hiểu hiệu quả kỹ thuật, phương thức hoạt động cũng như những thuận lợi, khó khăn của các tổ chức sản xuất, đồng thời đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững nghề nuôi tôm ở Bến Tre.

## 2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Tôm sú (*Penaeus monodon*).

### 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12/2022 đến 02/2023.

- Địa điểm nghiên cứu: Huyện Thạnh Phú, huyện Ba Tri, huyện Bình Đại tỉnh Bến Tre.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.3.1. Thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập tại các cơ quan chức năng (Sở NN&PTNT, Chi cục Thủy sản, Phòng NT&PTNT) ở địa bàn nghiên cứu, bao gồm các vấn đề về vùng nuôi, hình thức nuôi, thuận lợi, khó khăn và các chỉ tiêu kỹ thuật và tài chính cũng như các giải pháp chủ yếu.

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn ngẫu nhiên 120 cơ sở nuôi tôm sú, trong đó có 70 nông hộ, 20 trang trại, 18 hợp tác xã và 12 công ty bằng phiếu phỏng vấn soạn sẵn. Nội dung phỏng vấn gồm các thông tin chung về nông hộ, hình thức tổ chức sản xuất, phương thức hoạt động - liên kết sản xuất, các vấn đề về kỹ thuật, kinh tế, môi trường, thuận lợi, khó khăn và những vấn đề có liên quan. Phỏng vấn trực tiếp 10 cán bộ chủ chốt là cán bộ quản lý ngành ở các huyện, tỉnh trên địa bàn nghiên cứu; nội dung phỏng vấn gồm các thông tin về tình hình sản xuất của các nông hộ, trang trại, hợp tác xã và công ty; cũng như những nhận xét của các ban

ngành về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và giải pháp trong sản xuất và phát triển nghề nuôi tôm sú.

### 2.3.2. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu thu được xử lý bằng phần mềm Excel và SPSS qua phương pháp thống kê mô tả và hồi quy tương quan.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Các khía cạnh kỹ thuật của các hình thức tổ chức nuôi tôm sú

Qua kết quả khảo sát 120 cơ sở nuôi tôm sú ở ba huyện Bình Đại, Ba Tri và Thạnh Phú của tỉnh Bến Tre cho thấy hầu hết các cơ sở nuôi đều là nam và có độ tuổi trung bình 42,6±12,9 tuổi, chủ hộ nuôi nông hộ có độ tuổi cao nhất là 72 tuổi và thấp nhất là 24 tuổi. Kết quả khảo sát cho thấy

độ tuổi của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở 2 huyện Bình Đại (46,1±10,8) và huyện Thạnh Phú (46,3±18,1) là cao nhất, thấp nhất là huyện Ba Tri (35,2±8,16). Số năm kinh nghiệm của các chủ cơ sở nuôi tôm sú đều trên 4 năm, kết quả cho thấy 3 huyện số nông hộ có kinh nghiệm nuôi cao nhất là ở huyện Bình Đại (5±1 năm) và thấp nhất là ở huyện Thạnh Phú (4,5±1 năm), đa số các hộ nuôi trong huyện đều là học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, nuôi theo phong trào nên số năm kinh nghiệm của hộ nuôi ở các huyện ít có sự chênh lệch. Nghề nuôi tôm là nghề đòi hỏi phải cần cù chịu khó và cần phải có một kinh nghiệm nhất định về nghề nuôi, ở độ tuổi 30-45 là độ tuổi ham học hỏi dám nghĩ dám làm có khả năng quyết đoán, đương đầu với rủi ro, có nhiều kinh nghiệm nuôi biết bố trí hợp lý và đặc biệt là có sức khỏe tốt nhất.

*Bảng 1. Độ tuổi và kinh nghiệm của các chủ cơ sở nuôi tôm sú tỉnh Bến Tre*

Huyện	Ba Tri	Bình Đại	Thạnh Phú
Tuổi (TB±DLC)	35,2±8,16	46,1±10,8	46,3±18,1
Năm kinh Nghiệm (TB±DLC)	4,7±0,7	5±1	4,5±1

Qua kết quả khảo sát ở Bến Tre (Bảng 2) cho thấy diện tích đất sử dụng nuôi tôm sú trung bình của nông hộ là 1,45 ha/hộ, kết quả này thấp hơn kết quả nghiên cứu ở Sóc Trăng của Dương Vĩnh Hảo (2009) là 1,96 ha/hộ và thấp hơn nghiên cứu của Lâm Văn Tùng (2012) ở Bến Tre là 1,75 ha/hộ. Đối với trang trại, diện tích nuôi tôm trung bình là 35,3 ha/cơ sở; Hợp tác xã là 40,8 ha/cơ sở; Công ty là 90 ha/cơ sở. Diện tích mặt nước nuôi bình quân của nông hộ là 9,03 ha/hộ; đối với trang trại là 16,5 ha/cơ sở; hợp tác xã là 17,5 ha/cơ sở; công ty là 44,5

ha/cơ sở. Đặc biệt, diện tích nuôi bình quân mỗi ao, tỷ lệ diện tích ao lắng, tỷ lệ diện tích chứa nước thải và chất thải, diện tích bờ, diện tích nhà kho, số ao nuôi và mức nước ao nuôi bình quân của công ty cao hơn Trang trại, Hợp tác xã và nông hộ. Điều này rất quan trọng để đảm bảo các hoạt động an toàn sinh học trong nuôi tôm ở các công ty. Mức nước ao nuôi bình quân của mỗi hình thức sản xuất đều cao hơn kết quả nghiên cứu của Lâm Văn Tùng (2012) với mức nước bình quân của ao nuôi tôm sú.



Bảng 2. Diện tích đất sử dụng nuôi tôm sú của các hình thức tổ chức nuôi tôm sú

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hình thức sản xuất			
		Nông hộ	Trang trại	Hợp tác xã	Công ty
		(n=70)	(n=20)	(n=18)	(n=12)
1. Tổng diện tích (DT)	ha/hộ	1,45±1,55	35,3±20,1	40,8±21,6	90±71
2. DT mặt nước nuôi	ha/hộ	9,03±0,88	16,5±9,8	17,5±5,7	44,5±28,0
3. DT bình quân ao nuôi	ha	0,45±0,14	0,56±0,09	0,43±0,07	0,58±0,12
4. DT ao lắng	ha/hộ	0,29±0,15	8,73±8,92	9,85±5,23	18,5±17,6
5. DT chứa nướcT/CT	ha/hộ	0,05±0,11	3,03±1,77	3,21±2,55	6,51±5,00
6. DT Kcấp/thoát	ha/hộ	0,02±0,07	1,49±1,50	1,87±2,08	5,64±6,87
7. DT bờ ao	ha/hộ	0,37±0,31	6,56±4,02	8,04±5,31	11,9±7,3
8. DT nhà/kho	ha/hộ	0,01±0,00	0,24±0,20	0,30±0,25	0,55±0,68
9. Số ao nuôi	ao/hộ	1,77±1,67	25,6±18,9	49,6±34,4	98,2±139
10. Mức nước ao	m	1,42±0,12	1,60±0,15	1,57±0,09	1,50±0,18

### 3.2. Con giống tôm sú

Bảng 3. Nguồn giống và các thông số về giống của các hình thức tổ chức nuôi tôm sú

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hình thức sản xuất			
		Nông hộ	Trang trại	Hợp tác xã	Công ty
		(n=70)	(n=20)	(n=18)	(n=12)
1. Nguồn giống					
- Trong tỉnh	%	11,5	0	0	0
- Ngoài tỉnh	%	88,5	100	100	100
2. Mật độ thả nuôi	con/m <sup>2</sup>	21,8±4,91	33,5±7,22	36,9±8,01	38,3±7,01
3. Kích cỡ giống	PL	12,4±1,12	12,6±1,03	13,0±1,14	12,8±1,15
4. Tỷ lệ sống	%	64,5±5,2	74,2±5,3	74,4±6,2	80,7±5,07
5. Thời gian nuôi	ngày/vụ	142±8,1	156±6,90	154±7,0	155±9,2

Qua kết quả ở Bảng 3 cho thấy có 11,5% nông hộ mua giống tại các trại giống trong tỉnh thả nuôi, còn lại hợp tác xã và trang trại cũng như công ty không mua

giống trong tỉnh để thả nuôi. Các hình thức tổ chức nuôi tôm sú chọn giống có nguồn gốc trong tỉnh để thả nuôi chiếm tỷ lệ rất ít so với giống nhập từ ngoài tỉnh. Điều này

có lẽ do giống trong tỉnh không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chất lượng và số lượng cho sản xuất. Giống ngoài tỉnh phần lớn là giống từ các tỉnh miền Trung. Theo Lê Xuân Sinh *et al.* (2006), hàng năm lượng tôm sú giống thả nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long phải nhập từ các tỉnh miền Trung từ 65-75 %. Theo nghiên cứu tại Bến Tre, Sóc Trăng và Bạc Liêu của Nguyễn Hữu Đức (2007), có tới 80% hộ nuôi tôm sú cho rằng tôm giống nguồn từ miền Trung tốt hơn so với tôm giống sản xuất ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long vì phải qua nhiều khâu kiểm dịch.

Kết quả khảo sát về mật độ thả nuôi con/m<sup>2</sup>, các công ty do được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đội ngũ kỹ thuật và chủ động được vốn sản xuất nên thả nuôi với mật độ (trung bình 38,3 con/m<sup>2</sup>) cao hơn ba hình thức còn lại. Đối với nông hộ do trình độ kỹ thuật và khả năng quản lý hạn chế cũng như khó khăn về vốn nên họ thả nuôi với mật độ thấp nhất (trung bình 21,8 con/m<sup>2</sup>). Nhìn chung, mật độ tôm nuôi của bốn hình thức sản xuất thấp hơn kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hữu Đức (2007) với mật độ tôm sú thả nuôi thâm canh ở Bến Tre từ 40 - 45 con/m<sup>2</sup>. Kích cỡ tôm giống thả nuôi của bốn hình thức sản

xuất đều khá nhỏ (trung bình ở giai đoạn Postlarva 12-13). Tỷ lệ sống trung bình của tôm theo các hình thức sản xuất từ 65,1% đến 80,7%, trong đó công ty có tỷ lệ sống cao nhất và thấp nhất là nông hộ. Thời gian nuôi các hình thức sản xuất dao động không lớn, từ 142-155 ngày/vụ. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hữu Đức (2007) với thời gian nuôi tôm sú thâm canh trung bình là 135 ngày/vụ. Thời gian nuôi tôm tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, như kỹ thuật nuôi để tôm đạt kích cỡ thương phẩm, nhu cầu về cỡ tôm và giá cả từng cỡ tôm của thị trường... mà người nuôi chọn thời điểm thu hoạch thích hợp.

### 3.3. Lượng thức ăn cung cấp và hệ số chuyển hóa thức ăn của tôm sú tại các cơ sở nuôi

Từ kết quả khảo sát (Bảng 4) cho thấy tôm sú nuôi tại các công ty có lượng thức ăn sử dụng trung bình là 12.381 kg/ha/vụ cao hơn trang trại, hợp tác xã và nông hộ. Nguyên nhân có thể là do công ty thả nuôi với mật độ cao, trong khi nông hộ có thể do mật độ thả nuôi thấp và thời gian nuôi ngắn hơn hình thức trang trại và hợp tác xã và công ty nên tổng lượng thức ăn (TLTA) sử dụng (trung bình 8.675 kg/ha/vụ) thấp nhất.

*Bảng 4. Lượng thức ăn sử dụng và hệ số chuyển hóa thức ăn theo các hình thức nuôi tôm sú*

Hình thức sản xuất					
Chỉ tiêu	Đơn vị	Nông hộ (n=70)	Trang trại (n=20)	Hợp tác xã (n=18)	Công ty (n=12)
1. TLTA sử dụng	kg/ha/vụ	8.675±2.412	10.666±1.877	10.271±2.115	12.381±2.430
2. Số lần cho ăn	lần/ngày	4,25±0,44	4,18±0,40	4,17±0,38	5,00±0,00
3. FCR	lần	1,54±0,14	1,57±0,10	1,59±0,11	1,46±0,13



FCR bình quân của bốn hình thức sản xuất tôm sú là 1,54. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Dương Vĩnh Hào (2009) với FCR trong nuôi tôm sú TC là 1,53 và thấp hơn kết quả của Võ Văn Bé (2007) với FCR là 1,59. Số lần cho ăn của các hình thức sản xuất từ 4- 5 lần/ngày đêm.

### 3.4. Thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm

Từ kết quả ở Bảng 5 cho thấy kích cỡ tôm thu hoạch bình quân của nông hộ là 24,6 g/con, lớn hơn của hợp tác xã nhưng nhỏ hơn của công ty và trang trại. Cỡ tôm thu hoạch bình quân của bốn hình thức là 25,7 g/con, phù hợp kết quả nghiên cứu của Trương Tấn Thống (2007) với cỡ tôm sú

thu hoạch mô hình thâm canh nhỏ hơn 28,2 g/con. Năng suất tôm nuôi tôm sú trung bình của bốn hình thức sản xuất dao động từ 5.216 đến 8.555 kg/ha, trong đó đặc biệt là công ty có năng suất cao nhất, kể đến là trang trại và thấp nhất là nông hộ. Tổng sản lượng tôm sú của công ty là lớn nhất, nông hộ là nhỏ nhất trong bốn hình thức sản xuất, có sự chênh lệch quá lớn giữa bốn hình thức sản xuất là do sự chênh lệch quá lớn về diện tích nuôi. Cũng từ kết quả khảo sát cho thấy có 100% nông hộ, 37,3% trang trại; 89,9% hợp tác xã, 10,2% công ty bán tôm cho thương lái và 62,7% trang trại; 10,1% hợp tác xã, 89,8% công ty bán tôm cho các nhà máy chế biến thủy sản.

*Bảng 5. Thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm của các hình thức tổ chức nuôi tôm sú*

Hình thức sản xuất					
Chỉ tiêu	Đơn vị	Nông hộ (n=70)	Trang trại (n=20)	Hợp tác xã (n=18)	Công ty (n=12)
1. Kích cỡ tôm thu hoạch	g/con	24,6±7,04	26,7±4,60	24,3±4,42	25,7±2,24
2. Năng suất	kg/ha	5.216±1.036	7.013±1.133	6.550±1.321	8.555±1.163
3. Tổng sản lượng	kg/vụ	5.494±2.002	175.875±105.675	176.972±99.504	454.136±123.459
4. Hình thức bán sp					
- Thương lái	%	100	37,3	89,9	10,2
- Nhà máy chế biến	%	0	62,7	10,1	89,8

### 3.5. Phương thức kiểm soát an toàn sinh học và chất lượng sản phẩm của các hình thức tổ chức nuôi tôm sú

Từ kết quả khảo sát cho thấy các hình thức tổ chức nuôi tôm sú ở tỉnh Bến Tre đều thực hiện công tác bảo vệ - cách ly các khu sản xuất; kiểm tra PCR tôm giống trước khi thả nuôi; thả giống theo lịch thời vụ khuyến cáo; kiểm tra định kỳ chất lượng nước trong quá trình nuôi. Tuy nhiên, việc thả giống đồng loạt trong vùng; kiểm tra chất lượng thức ăn và chất cặn trong thức ăn; kiểm tra

thuốc, hóa chất; kiểm tra chất lượng nước trước khi thải ra môi trường và xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường cũng không được thực hiện. Bên cạnh đó có 100% trang trại, công ty và gần 80% nông hộ và hợp tác xã thực hiện các biện pháp kiểm soát người ra vào tránh lây bệnh trên tôm sú và các biện pháp kiểm soát mầm bệnh do các dụng cụ dùng trong nuôi tôm. Qua đó cho thấy trong quá trình nuôi tôm sú các trang trại, công ty rất quan tâm đến việc kiểm soát an toàn sinh học và chất lượng

sản phẩm hơn các nông hộ và hợp tác xã. Riêng đối với việc thả giống đồng loạt trong vùng; kiểm tra chất lượng thức ăn và chất cấm trong thức ăn; kiểm tra thuốc, hóa chất; kiểm tra chất lượng nước trước khi thải ra môi trường và xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường không được các trang trại,

công ty, nông hộ và hợp tác xã thực hiện trong quá trình nuôi; đây chính là nguyên nhân làm cho môi trường trong nuôi tôm ngày càng có nguy cơ ô nhiễm, dịch bệnh ngày càng gia tăng, vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được đảm bảo.

### 3.6. Liên kết sản xuất

*Bảng 6. Liên kết trong sản xuất của các hình thức nuôi tôm sú*

Liên kết với các cơ sở	Tỷ lệ %	Trao đổi kỹ thuật	Phối hợp lý môi trường, dịch bệnh	Liên kết sản xuất theo mùa vụ trong vùng	Trao đổi thông tin thị trường
<b>1. Nông hộ</b>					
- Hộ nuôi khác	%	81,7	75,0	55,0	33,3
- Trang trại	%	0,00	12,0	5,00	0,00
- Hợp tác xã	%	55,0	76,0	25,0	15,0
- Công ty	%	0,00	15,0	0,00	0,00
<b>2. Trang trại</b>					
- Hộ nuôi khác	%	0,00	0,00	0,00	0,00
- Trang trại	%	63,6	81,8	72,7	90,9
- Hợp tác xã	%	0,00	63,6	0,00	18,2
- Công ty	%	36,4	72,7	54,6	45,5
<b>3. Hợp tác xã</b>					
- Hộ nuôi khác	%	31,6	63,2	42,1	31,6
- Trang trại	%	21,1	26,3	0,00	0,00
- Hợp tác xã	%	79,0	89,5	63,2	79,0
- Công ty	%	0,00	0,00	0,00	26,3
<b>4. Công ty</b>					
- Hộ nuôi khác	%	0,00	0,00	0,00	0,00
- Trang trại	%	0,00	63,6	0,00	0,00
- Hợp tác xã	%	0,00	36,4	0,00	0,00
- Công ty	%	0,00	0,00	0,00	100

Kết quả ở Bảng 6 cho thấy các nông hộ và các hợp tác xã liên kết với các trại sản xuất giống và các cơ sở ương giống qua quan hệ trực tiếp khi cần thiết, còn các cơ sở cung cấp dịch vụ; công ty, đại lý thức ăn;

các cơ sở thu mua tôm thương phẩm thì thường liên kết qua mối quan hệ quen biết là chính; riêng công ty chế biến thủy sản thì nông hộ không liên kết trong sản xuất, do các nông hộ chỉ bán sản phẩm cho các cơ sở



thu mua tôm nguyên liệu. Đáng chú ý là các trang trại và nhất là các công ty có liên kết chặt chẽ với các trại sản xuất giống; công ty/đại lý thức ăn và công ty chế biến thủy sản qua hình thức ký kết hợp đồng cung cấp, bao tiêu trước sản phẩm theo giá thị trường để chủ động các yếu tố đầu vào và đầu ra. Điều đặc biệt là ở tất cả các hình thức sản xuất không thực hiện hình thức ký kết hợp đồng cung cấp, bao tiêu sản phẩm theo giá cố định, do giá cả đầu vào và đầu ra thường không ổn định.

Từ kết quả khảo sát cũng cho thấy các hình thức sản xuất đều được sự đầu tư dưới hình thức bán nợ thức ăn, thuốc, hóa chất từ các công ty/đại lý thức ăn, thuốc, hóa chất và đến khi thu hoạch sản phẩm mới thanh toán. Đối với nông hộ, tỷ lệ mua nợ chiếm tới 56,7% tổng vốn sản xuất, cao hơn hợp tác xã, trang trại và công ty. Ngoài ra các hình thức sản xuất đều có tích lũy vốn tự có trong sản xuất, đối với trang trại và công ty, hợp tác xã tỷ lệ vốn tự có chiếm trên dưới gần 50% tổng vốn sản xuất. Điều này cho thấy nhu cầu vốn sản xuất của nông hộ là rất cao. Đối với vốn vay ngân hàng thì công ty chiếm 49,1% tổng vốn sản xuất cao hơn nông hộ, trang trại và hợp tác xã và gần bằng với vốn tự có của công ty. Riêng đối với vốn vay tư nhân chiếm không đáng kể so với tổng vốn sản xuất của các hình thức sản xuất, đặc biệt là các trang trại và các công ty không vay vốn tư nhân. Từ kết quả trên cho thấy nguồn vốn cho nuôi tôm của nông hộ phụ thuộc rất lớn vào sự đầu tư từ các đại lý thức ăn, thuốc và hóa chất.

### 3.7. Hiệu quả kinh tế của các hình thức tổ chức nuôi tôm sú

Qua kết quả khảo sát cho thấy giá thành sản xuất trung bình cao nhất là nông hộ 84,5

ngàn đồng/kg), kế đến là trang trại 78,9 ngàn đồng/kg/vụ, hợp tác xã 75,7 ngàn đồng/kg/vụ và thấp nhất là công ty 74,1 ngàn đồng/kg/vụ. Nguyên nhân là phần lớn nông hộ thường thiếu vốn sản xuất do đó phải mua thiếu thức ăn, thuốc, hóa chất... với giá cao hơn giá mua tiền mặt (kê lãi) vì thế mà làm cho giá thành sản xuất tăng lên cao. Riêng công ty có giá thành sản xuất thấp nhất trong bốn hình thức là do công ty chủ động được vốn sản xuất và có sự liên kết với các nhà cung cấp dịch vụ đầu vào nên việc mua thức ăn, thuốc, hóa chất, với giá ưu đãi thấp hơn giá thị trường, đồng thời quản lý khá tốt các khâu trong quá trình nuôi vì thế cũng góp phần hạ giá thành sản xuất.

Giá bán trung bình mỗi kg tôm thu hoạch cao nhất là trang trại, kế đến là công ty, nông hộ và thấp nhất là hợp tác xã. Sự chênh lệch này phụ thuộc vào kích cỡ, chất lượng tôm thương phẩm và thời điểm thu hoạch. Giá bán tôm trung bình của bốn hình thức là 100 ngàn đồng/kg. Tuy nhiên trong quá trình khảo sát cũng ghi nhận được là giá tôm thương phẩm biến động rất lớn do biến động giá của thị trường trong và ngoài nước, ảnh hưởng của kích cỡ tôm thu hoạch, đồng thời còn tùy thuộc vào sự ép giá của tư thương vào mùa thu hoạch cao điểm. Đối với thu nhập bình quân trên ha mặt nước đạt cao nhất là hình thức công ty kế đến là hình thức trang trại, hợp tác xã và hình thức nông hộ là thấp nhất. Sự khác biệt này phụ thuộc vào tính hiệu quả trong quá trình quản lý sản xuất của mỗi hình thức. Thu nhập bình quân trên ha mặt nước của bốn hình thức sản xuất là 888.745 ngàn đồng/ha/vụ. Lợi nhuận bình quân trên kg sản phẩm và trên ha mặt nước cao nhất là công ty và thấp nhất là nông hộ.

## 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

### 4.1. Kết luận

Diện tích ao lắng, ao chứa nước thải, chất thải và kênh cấp thoát nước của nông hộ chiếm tỷ lệ thấp hơn trang trại, hợp tác xã và công ty. Mật độ thả nuôi và tỷ lệ sống của công ty cao nhất, kế đến là hợp tác xã và trang trại và thấp nhất là nông hộ. FCR của bốn hình thức sản xuất từ 1,46-1,59 và năng suất trung bình từ 5.216-8.555 kg/ha/vụ.

Hình thức công ty nuôi tôm đạt hiệu quả cao nhất, kế đến là trang trại, hợp tác xã và thấp nhất là nông hộ, đồng thời có 18,33% nông hộ và 11,11% hợp tác xã bị thua lỗ, trong khi không có trang trại và công ty nào bị lỗ.

Về an toàn sinh học và liên kết, các công ty rất quan tâm đến việc kiểm soát an toàn sinh học và chất lượng sản phẩm, kế đến là trang trại và hợp tác xã, nông hộ ít quan tâm hơn. Các hình thức tổ chức nuôi tôm sú ở Bến Tre chưa có sự liên kết chặt chẽ với nhau trong sản xuất, riêng trang trại và công ty liên kết tốt hơn hợp tác xã.

### 4.2. Đề xuất

Các ban ngành của địa phương cần hỗ trợ tổ chức lại các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, phân tán theo hình thức quản lý có hợp tác như hợp tác xã, ban quản lý khu vực nuôi. Đẩy mạnh liên kết trong sản xuất.

Các ban ngành của địa phương cần tăng cường công tác kiểm dịch giống, xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường và dịch bệnh cho các vùng nuôi tôm, đồng thời tăng cường tập huấn kỹ thuật; an toàn sinh học; bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản; sử dụng thuốc, hóa chất và quản lý dịch bệnh cho người nuôi.

Các ngân hàng và các ban ngành quan tâm trong việc hỗ trợ vốn vay cho người nuôi và đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng như hệ thống thủy lợi, hệ thống điện, giao thông... để đáp ứng nhu cầu sản xuất.

### LỜI CẢM ƠN:

Để hoàn thành bài báo này, thay mặt nhóm tác giả xin gửi lời cảm ơn đến đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi cá măng kết hợp với tôm sú trong ao đất tại Bến Tre” đã cung cấp tài liệu và số liệu để hoàn thiện bài báo này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đàm Thị Phong Ba (2007). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ tôm sú ở Đồng bằng sông Cửu Long. Luận văn cao học chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Cần Thơ.
- [2] Dương Vĩnh Hảo (2009). Phân tích hiệu quả kinh tế và kỹ thuật của mô hình nuôi tôm sú (*Peneaus monodon*) thâm canh và bán thâm canh ven biển tỉnh Sóc Trăng. Luận văn cao học chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.
- [3] Lê Xuân Sinh, Đỗ Minh Chung, Phan Thị Ngọc Khuyên, Từ Thanh Truyền (2006). Tác động về mặt xã hội của các hoạt động nuôi trồng thủy sản mặn lợ ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, (2): 220-234.
- [4] Nguyễn Hữu Đức (2007). Điều tra tình hình sử dụng hóa chất và chế phẩm vi sinh trong quản lý môi trường ao nuôi tôm sú (*Peneaus monodon*) thâm canh ở Bến Tre, Sóc Trăng và Bạc Liêu.



Luận văn cao học chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.

- [5] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre (2022). Báo cáo tổng kết nuôi trồng thủy sản năm 2022, kế hoạch phát triển nuôi thủy sản năm 2023.
- [6] Trương Tấn Thống (2007). Khảo sát tình hình cung cấp và sử dụng thức ăn trong các mô hình nuôi tôm ở các tỉnh ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. Luận văn cao học chuyên ngành Nuôi

trồng thủy sản, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.

- [7] Võ Văn Bé (2007). Điều tra hiệu quả nuôi tôm sú (*Peneaus monodon*) rải vụ ở tỉnh Sóc Trăng. Luận văn cao học chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.

**Người phản biện: TS. Đặng Minh Dũng**

**Ngày nhận bài: 20/3/2024**

**Ngày thông qua phản biện: 27/3/2024**

**Ngày duyệt đăng: 29/3/2023**

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN



Bộ trưởng Lê Minh Hoan và Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh Nguyễn Xuân Kỳ tham quan gian trưng bày của Viện tại “Hội thảo toàn quốc về KHCN và Đổi mới sáng tạo, nhìn từ Quang Ninh”



Bộ trưởng Lê Minh Hoan và Bí thư Thành ủy Hải Phòng Lê Tiến Châu và cùng đoàn công tác tham quan nhà Bảo tàng sinh vật Viện nghiên cứu Hải sản



Đoàn công tác của Cefas (Anh) chụp ảnh lưu niệm cùng Lãnh đạo Viện và các cán bộ chủ chốt

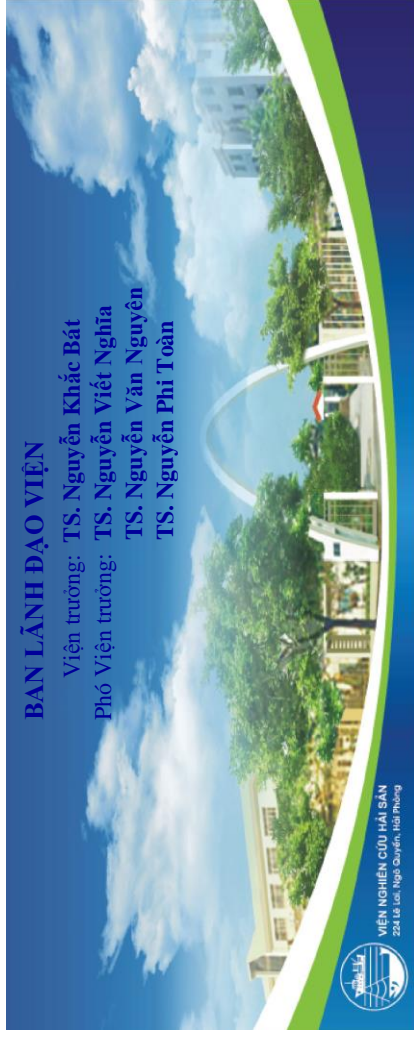




# VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

## RESEARCH INSTITUTE FOR MARINE FISHERIES (RIMF)

224 Lê Lai - Ngõ Quyển - Hải Phòng; Tel: (84-225)-3837898/38336656; Fax: (84-225)-3836812; Email: vhs@rimf.org.vn; Website: www.rimf.org.vn



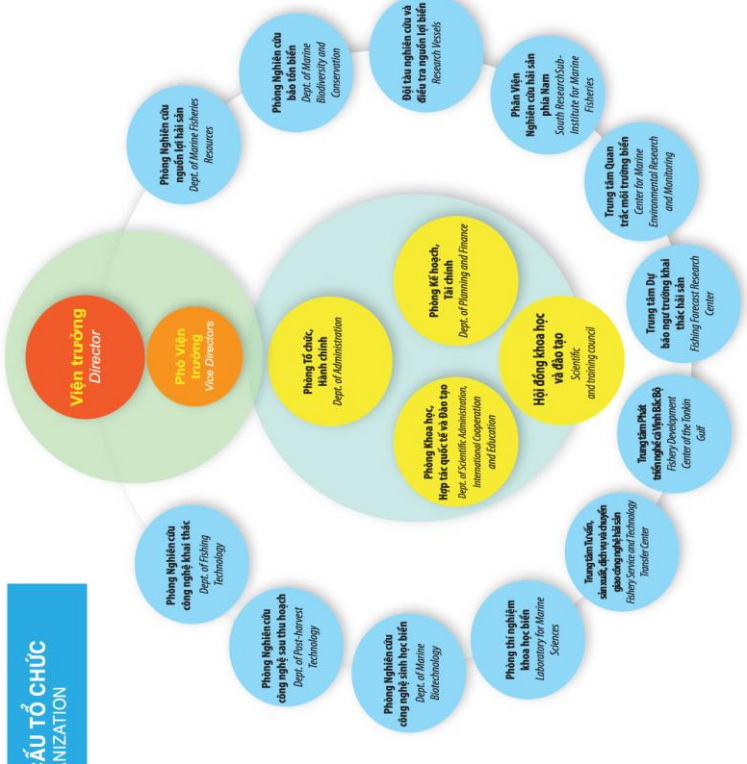
### BAN LÃNH ĐẠO VIỆN

Viện trưởng: TS. Nguyễn Khắc Bát  
Phó Viện trưởng: TS. Nguyễn Việt Nghĩa  
TS. Nguyễn Văn Nguyên  
TS. Nguyễn Phi Toàn



VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN  
224 Lê Lai, Ngõ Quyển, Hải Phòng

### CƠ CẤU TỔ CHỨC ORGANIZATION



## VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

- Quyết định số 28/CP ngày 01/1975 của Chính phủ về việc thành lập Viện nghiên cứu Hải sản
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN số A-1340 ngày 22/7/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN
- Quyết định số 46/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu Hải sản

### CHỨC NĂNG

Viện nghiên cứu Hải Sản là đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, đào tạo, hợp tác quốc tế, tư vấn và dịch vụ về bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản; khai thác, chế biến hải sản trong phạm vi cả nước.

### NHIỆM VỤ

- Xây dựng và trình Bộ:
  - Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm nắm, hàng năm các chương trình, dự án về khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản và tổ chức thực hiện sau khi được Bộ phê duyệt;
  - Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế, kỹ thuật, quy trình, quy phạm, hướng dẫn kỹ thuật trong lĩnh vực về khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản thuộc nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật.
- Nghiên cứu cơ bản có định hướng:
  - Cơ sở khoa học về công nghệ viễn thám, hải dương học và sinh thái học; nghiên cứu nguồn lợi hải sản, quy luật biến động nguồn lợi hải sản và sinh học nghề cá phục vụ dự báo ngư trường khai thác và quản lý nghề cá;
  - Mối quan hệ giữa môi trường, nguồn lợi hải sản và nghề cá biển; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nghề cá biển; đề xuất các phương án, giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường và quản lý môi trường biển; vi sinh vật trong xử lý môi trường; các biện pháp khôi phục, tái tạo và phát triển nguồn lợi hải sản;
  - Các vấn đề kinh tế - xã hội nghề cá; mô hình quản lý nghề cá; mô hình tổ chức sản xuất, khai thác trên biển; đa dạng sinh học và bảo tồn biển.
- Nghiên cứu ứng dụng tổng hợp:
  - Công nghệ sinh học trong các lĩnh vực: cấu trúc gen, di truyền, chọn giống hải sản, lưu giữ và phát triển nguồn gen hải sản các loài quý hiếm;
  - Công nghệ nuôi trồng hải sản, bao gồm: sản xuất giống, kỹ thuật nuôi trồng, dinh dưỡng và thức ăn, phòng trị bệnh, thuần hóa lai tạo các đối tượng nuôi mới, đối tượng mới của nghề nuôi trồng hải sản, môi trường nuôi;
  - Công nghệ khai thác hải sản phù hợp với đối tượng và ngư trường khai thác;
  - Chiết suất các chất có hoạt tính sinh học cao từ sinh vật biển phục vụ y dược và thực phẩm chức năng;
  - Cải tiến và tiêu chuẩn hóa các loại ngư cụ, vật liệu dùng trong nghề cá biển, cơ khí tàu thuyền, giải pháp hiện đại hóa tàu cá và khai thác bền vững;
  - Cải tiến công nghệ bảo quản sau thu hoạch, chế biến thủy sản.
- Điều tra, đánh giá trữ lượng và khả năng khai thác bền vững nguồn lợi hải sản; các hệ sinh thái làm cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật biển.
- Quan trắc cảnh báo môi trường biển và dịch bệnh hải sản.
- Tham gia xây dựng quy hoạch không gian biển và quản lý các khu bảo tồn biển; xây dựng các bản đồ về nguồn lợi hải sản.
- Đào tạo sau đại học, đào tạo chuyển đổi phục vụ phát triển nguồn nhân lực; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghề cá biển theo quy định của pháp luật.
- Thông tin khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ tin học và viễn thám trong nghiên cứu hải sản; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu nghề cá biển; xây dựng bảo tàng và phòng mẫu vật chuẩn và nguồn lợi, đa dạng sinh học biển, các ngư cụ, phương tiện khai thác và nuôi trồng hải sản.
- Quyết định việc mời chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam và cử công chức, viên chức ra nước ngoài công tác theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Tham gia hoạt động khuyến ngư, chuyển giao công nghệ nghề cá biển đối với các thành phần kinh tế; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thủy sản theo quy định của pháp luật.
- Tư vấn, dịch vụ khoa học công nghệ thuộc các lĩnh vực nghiên cứu được giao theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng trình Bộ đề án vi trí việc làm; quản lý tổ chức bộ máy, biến chế công chức theo ngạch, số lượng viên chức theo chức danh nghề nghiệp và người lao động theo phân cấp quản lý của Bộ và quy định của pháp luật.
- Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.